

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2421/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 6 - 2022

V/v ly hôn (không đăng ký kết hôn),
tranh chấp xác định con cho cha và
tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Tiến Dũng

2/ Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1600/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về “Tranh chấp ly hôn (không đăng ký kết hôn), tranh chấp xác định con cho cha và tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3494/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lương Văn Q, sinh năm: 1971

Thường trú: 148/1 Đường A, Khu phố B, phường C, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Tạ Xuân N - Luật sư Văn phòng Luật sư Xuân Nghĩa thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 34 Đường 6, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1969

Thường trú: 25/4 Đường V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2021 và lời trình bày của ông Lương Văn Q trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Ông và bà Lê Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 tại địa chỉ 25/4 Đường 3, khu phố Giã Dân, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nhà của bà M) nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2008 ông và bà M nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông đã bỏ về nhà cha mẹ ông sinh sống từ đó cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà Lê Thị M, vì vậy ông yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Lê Thị M.

Về con chung: Ông và bà M có một con chung, tên Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008. Do ông và bà M không thực hiện việc đăng ký kết hôn nên tại giấy khai sinh trẻ Lê Quang T, phần cha để trống. Để thuận tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Lê Quang T, ông yêu cầu Tòa án xác định trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 là con ruột của ông. Ông đồng ý giao con chung Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung vì ông đã thực hiện cấp dưỡng nuôi con một lần cho bà M.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định không có.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2021 và lời trình bày của bà Lê Thị M trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án: Bà và ông Lương Văn Q sống chung như vợ chồng vào năm 2001. Trong quá trình chung sống bà và ông Q không đăng ký kết hôn. Nay ông Q yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà thì bà không có ý kiến, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà và ông Q có một con chung tên Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008. Do bà và ông Lương Văn Q không đăng ký kết hôn nên khi khai sinh cho trẻ Lê Quang T bà để trống phần cha. Nay bà thống nhất trẻ Lê Quang T là con ruột của ông Lương Văn Q.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà xác định không có.

Tại phiên tòa, ông Lương Văn Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Lê Thị M yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008. Bà yêu cầu ông Lương Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) cho đến khi trẻ Lê Quang T đủ 18 tuổi. Ông Lương Văn Q không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng của bà M vì đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho bà M.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn về việc sống chung như vợ chồng nhưng đến nay không đăng ký kết hôn để tuyên bố không công

nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về AND số 1.083-2022/AND ngày 13/4/2022 do Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp “Lương Văn Q là người cha sinh học của Lê Quang T” để xác định ông Lương Văn Q là cha ruột của trẻ Lê Quang T. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Lê Thị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đúng do yếu tố khách quan. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương Văn Q và bà Lê Thị M. Xác định trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 là con ruột của ông Lương Văn Q. Giao con chung Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của bà M. Buộc ông Lương Văn Q phải cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà Lê Thị M mỗi tháng 1.490.000 đ (Một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Quang T đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lương Văn Q có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị M và yêu cầu xác định trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 là con ruột của ông Lương Văn Q, bị đơn bà Lê Thị M có yêu cầu ông Lương Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung nên đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn (không đăng ký kết hôn), tranh chấp xác định con cho cha và tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con” được quy định tại Khoản 1, khoản 4, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại địa chỉ 25/4 Đường 3, khu phố Giãn Dân, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của ông Lương Văn Q và bà Lê Thị M thì ông bà có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không thống nhất về thời gian, ông Q cho rằng thời gian chung sống là năm 2007, bà M cho rằng thời gian chung sống là năm 2001. Tuy nhiên, ông Q, bà M đều xác định vẫn chưa đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống, sự khác biệt về suy nghĩ và hành động nên giữa ông Q và bà M luôn xảy ra mâu thuẫn. Ông Q và bà M đã tách ra sống riêng từ tháng 3 năm 2008 cho đến nay. Để ổn định cuộc sống riêng cho mỗi người nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương Văn Q và bà Lê Thị M.

Xét, ông Q và bà M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn, nên căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...” và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương Văn Q và bà Lê Thị M có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của ông Lương Văn Q, bà Lê Thị M đều thừa nhận trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 theo giấy khai sinh số 430/2008 ngày 10/12/2008 do Ủy ban nhân dân phường Long Thạnh Mỹ cấp là con ruột của ông Lương Văn Q. Điều này phù hợp với Bản kết luận giám định pháp y về AND số 1.083-2022/AND ngày 13/4/2022 do Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp “Lương Văn Q là người cha sinh học của Lê Quang T”. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ để xác định trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 là con ruột của ông Lương Văn Q. Do đó, yêu cầu của ông Lương Văn Q là có căn cứ, phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị M có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008. Xét, việc quyết định giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử phải xem xét bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con. Hiện con chung đang ở ổn định với bà M, để bảo đảm quyền lợi của con nên giao con chung cho bà M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị M yêu cầu ông Lương Văn Q cấp dưỡng nuôi con chung Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 mỗi tháng 3.000.000 đ (Ba triệu đồng) cho đến khi trẻ Lê Quang T đủ 18 tuổi. Ông Lương Văn Q không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng của bà M vì ông cho rằng ông đã đưa tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà M nhiều lần. Đến ngày 18/01/2014 bà M cũng xác nhận việc bà đã nhận số tiền 250.000.000 đ

(Hai trăm năm mươi triệu đồng) của ông Q để có trách nhiệm nuôi dưỡng và cho trẻ Lê Quang T ăn học đến 18 tuổi. Ông Q cung cấp bản chính “Giấy nhận tiền và cam kết” ngày 18-01-2014 và tại phiên tòa bà M cũng xác nhận chữ ký là của bà, tuy nhiên bà không thừa nhận số tiền 250.000.000 đồng là tiền cấp dưỡng nuôi con mà là tiền ông Q trả nợ cho bà. Ngoài lời khai, bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền 250.000.000 đồng là khoản nợ ông Q nợ bà. Xét thấy, tại phiên tòa bà M cũng thừa nhận ông Q có cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đ (Hai triệu đồng) và bà có nhận số tiền 250.000.000 đồng từ ông Q. Như vậy, ông Q đã thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần cho bà M vào năm 2014. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng này không còn phù hợp vì chi phí ăn học của trẻ Lê Quang T tăng lên. Ông Lương Văn Q hiện nay đang hưởng lương hưu mỗi tháng 8.000.000 đ (Tám triệu đồng). Căn cứ nhu cầu thiết yếu của trẻ Lê Quang T và thu nhập thực tế của ông Lương Văn Q, cần chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc ông Lương Văn Q phải cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà Lê Thị M mỗi tháng tương ứng một tháng lương cơ bản là 1.490.000 đ (Một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Quang T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị M, nếu ông Lương Văn Q chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Lương Văn Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ông Lương Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng). Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Lương Văn Q được miễn nộp án phí đối với yêu cầu xác định cha cho con chưa thành niên và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo các biên lai thu số 0024574 ngày 18/11/2021 và

0025216 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lương Văn Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110; Điều 116; Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Q;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lương Văn Q và bà Lê Thị M.

2. Con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn Q. Xác định trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 là con ruột của ông Lương Văn Q.

Giao trẻ Lê Quang T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lương Văn Q phải cấp dưỡng nuôi trẻ Lê Q T, sinh ngày 23/10/2008 cho bà Lê Thị M mỗi tháng 1.490.000 đ (Một triệu bốn trăm chín mươi ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Lê Quang T đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lê Thị M, nếu ông Lương Văn Q chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng ông Q còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ông Lương Văn Q được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Ông Lương Văn Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Q đã nộp theo các biên lai thu số 0024574 ngày 18/11/2021 và 0025216 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lương Văn Q đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường Y,
- TP.Z, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà